

Bản án số: 653/2019/HC-PT

Ngày 17 - 9 - 2019

V/v: *Quyết định hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Vũ Ngọc Huynh

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 719/2018/TLPT-HC ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2018/HC-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 938/2019/QĐPT-HC ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Tô Thị T, sinh năm: 1928

Nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tô Thị T: Ông Nguyễn Văn Đệ N, sinh năm: 1962; Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre; theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2017. (Có mặt)

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, phường B, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

2. Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 882 xã Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã Thạnh Ngải, huyện Mỏ Cày Bắc; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Gia Thạnh, xã Thạnh Ngải, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn L - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thạnh Ngải.

2. Bà Lê Thị P, sinh năm 1963; (có mặt)

3. Ông Lê Văn H, sinh năm 1963; (có mặt)

Cùng cư trú: ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện của bà Tô Thị T, ông Nguyễn Văn Đệ N trình bày:

Vào năm 1975, bà Tô Thị T có sử dụng một phần đất thuộc thửa 164 tờ bản đồ số 01 diện tích 104m² (nay là thửa 59 tờ bản đồ 24) tọa lạc tại xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre. Năm 2000, phát sinh tranh chấp, ông Lê Văn H và bà Lê Thị P yêu cầu bà T trả lại đất. Ngày 18/7/2003, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Mỏ Cày ban hành Quyết định số 86/QĐ-UB giao cho UBND Thạnh Ngải quản lý. Ngày 21/11/2003, Chủ tịch UBND huyện Mỏ Cày ban hành Quyết định số 114/QĐ-UB với nội dung giữ nguyên Quyết định số 86/QĐ-UB. Ngày 24/12/2008, UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định 2551/QĐ-UBND công nhận quyền sử dụng đất 104m² thuộc một phần thửa 164 tờ bản đồ số 01 cho ông H và bà P. Ngày 27/6/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỏ Cày Bắc tổng đạt Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre cho bà Tô Thị T.

Căn cứ theo Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre, đến ngày 05/10/2017, UBND huyện Mỏ Cày Bắc cấp quyền sử dụng đất thửa 59 tờ bản đồ số 24 diện tích 106,3m² tọa lạc ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre cho ông H và bà P. Do có sai sót, UBND huyện Mỏ Cày Bắc đã thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Đến ngày 12/12/2017, UBND huyện Mỏ Cày Bắc cấp lại quyền sử dụng đất thửa 59 tờ bản đồ số 24 cho ông H và bà P.

Nhận thấy, việc UBND huyện Mỏ Cày Bắc cấp quyền sử dụng đất cho ông H và bà P làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 86/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của UBND huyện Mỏ Cày Bắc;

- Quyết định số 114/QĐ-UB ngày 21/11/2003 của Chủ tịch UBND huyện Mỏ Cày.

- Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03285 ngày 12/12/2017, số phát hành CL222084 và CL 222082 do UBND huyện Mỏ Cày Bắc cấp cho ông H và bà P.

Theo văn bản ý kiến, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo pháp luật của UBND huyện Mỏ Cày Bắc là ông Nguyễn Văn Bàn trình bày:

Phần đất nêu trên mà bà P và ông H tranh chấp đòi lại có nguồn gốc của Hội đồng Luân. Trước ngày 30/4/1975, Hội đồng Luân lập chợ và cho hộ dân thuê đất cất nhà ở để buôn bán. Sau ngày 30/4/1975, đất do UBND xã Thạnh Ngải quản lý và đến năm 1994 khi đo đạc lập hồ sơ địa chính phần đất trên thuộc một phần thửa 164 tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng CDK, tọa lạc tại ấp Chợ Mới, xã Thạnh Ngải do UBND xã Thạnh Ngải, kê khai quản lý.

Năm 1960, bà Trần Thị V (mẹ ruột của bà P và ông H) mua một căn nhà trong dãy phố chợ của Hội đồng Luân, đối với phần đất 104m² bà V thuê và trả tiền thuê đất hàng năm.

Vào năm 1963, chồng bà V chết. Năm 1965, bà V có chồng khác là ông Tô Văn T về sống trong vườn, căn nhà gửi lại cho ông Nguyễn Văn B (người hàng xóm) quản lý. Năm 1971, căn nhà trên bị hư hỏng, ông Nguyễn Văn B cho ông Trần Văn T (em vợ ông B) sửa lại để ở. Năm 1978, ông T về sống lại xã Tân Phú Tây. Năm 1979, bà Tô Thị T (chị ruột của ông T) từ thị xã về Thạnh Ngải sinh sống và ở tạm trong căn nhà nói trên. Năm 2000, ông H và bà P (chị ruột ông H) phát sinh đơn gửi đến UBND huyện Mỏ Cày (huyện chung). Nội dung đơn là ông H, bà P yêu cầu bà T trả lại căn nhà của bà V trước đây nhưng do căn nhà đã bị hư hỏng hết không còn nên ông H, bà P yêu cầu diện tích đất mà bà T đang sử dụng.

Ngày 18/7/2003, UBND huyện Mỏ Cày ban hành quyết định số 86/QĐ-UB. Nội dung quyết định là bác đơn yêu cầu của bà Lê Thị P và ông Lê Văn H; thu hồi diện tích 104m² thuộc một phần thửa 164 tờ bản đồ số 01, giao cho UBND xã Thạnh Ngải quản lý. Không đồng ý nội dung Quyết định số 86/QĐ-UB, bà P và ông H tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Mỏ Cày. Ngày 21/11/2003, Chủ tịch UBND huyện Mỏ Cày ban hành Quyết định số 114/QĐ-UB với nội dung bác đơn khiếu nại của bà P và ông H; giữ nguyên Quyết định số 86/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của UBND huyện Mỏ Cày.

Sau khi nhận quyết định, bà P và ông H tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Bến Tre. Ngày 24/12/2008, Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 2551/QĐ-UBND, công nhận nội dung đơn tranh chấp quyền sử dụng diện tích 104m² đất thuộc một phần thửa số 164 tờ bản đồ số 01 của bà P, ông H; công nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 104m² đất thuộc một phần thửa số 164, tờ bản đồ số 01, đất thổ cư, tọa lạc xã Thạnh Ngải cho bà P và ông H;

hủy Quyết định số 86/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của UBND huyện Mỏ Cày và Quyết định số 114/QĐ-UB ngày 21/11/2003 của Chủ tịch UBND huyện Mỏ Cày.

Theo văn bản ý kiến, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo pháp luật của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre là ông Cao Văn Trọng trình bày:

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 về việc giải quyết khiếu nại của bà P và ông H dựa trên cơ sở xem xét nội dung đơn khiếu nại của bà P và ông H đối với Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 21/11/2003 của UBND huyện Mỏ Cày và xem xét đề nghị của Trưởng đoàn công tác liên ngành tỉnh tại Tờ trình số 419/TTr-ĐCT ngày 15/12/2008 của Đoàn công tác liên ngành tỉnh. Đoàn công tác liên ngành tỉnh đã giải tán, đồng thời UBND tỉnh Bến Tre đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường liên hệ với các thành viên trong đoàn, Chi cục văn thư, Lưu trữ tỉnh để yêu cầu được sao lục hồ sơ giải quyết khiếu nại trên nhưng không có hồ sơ. Do đó, đến nay Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre vẫn chưa cung cấp cho Tòa án được hồ sơ giải quyết khiếu nại của ông H và bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H và bà Lê Thị P trình bày:

Ông bà thông nhất quá trình sử dụng đất theo như kết quả thẩm tra, xác minh của Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 cũng như quá trình giải quyết tranh chấp đất đai như người khởi kiện trình bày. Phần đất nêu trên là của mẹ đẻ ông bà là bà Trần Thị V. Năm 1979, bà V và cha dượng (Tô Văn T) có cho bà Tô Thị T (chị ruột ông T) ở trên phần đất này. Do là quan hệ thân thích trong gia đình nên sau khi mẹ ông bà chết, ông bà cũng đồng ý cho bà T ở trên phần đất này. Đến năm 2000, ông bà nghe bà T có ý định bán đất nên ông bà nộp đơn tranh chấp. Hiện trạng phần đất tranh chấp là đất trống. Căn cứ theo Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre, UBND huyện Mỏ Cày Bắc cấp quyền sử dụng đất cho ông P và bà H vào ngày 12/12/2017 là đúng quy định pháp luật. Do đó, ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Theo bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo pháp luật của UBND xã Thạnh Ngãi là ông Phạm Văn L trình bày:

Căn cứ theo nội dung xác minh của Quyết định số 86/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của UBND huyện Mỏ Cày thì UBND xã Thạnh Ngãi thống nhất giữ nguyên theo Quyết định số 86/QĐ-UB của UBND huyện Mỏ Cày. Đối với Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre thì UBND xã Thạnh Ngãi đã có Tờ trình gửi Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre xem xét lại quyết định này, UBND xã Thạnh Ngãi không thống nhất giao phần đất nêu trên cho ông H và bà P. Thửa đất 164 tờ bản đồ số 01 tại ấp M, xã N, huyện B được UBND xã Thạnh Ngãi kê khai đăng ký lập hồ sơ địa chính phù hợp với Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 15/2018/HC-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018, Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Chấp nhận khởi kiện của bà Tô Thị T hủy các quyết định hành chính sau đây:

- Hủy Quyết định số 86/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của UBND huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Hủy Quyết định số 114/QĐ-UB ngày 21/11/2003 của Chủ tịch UBND huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre.

- Hủy Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre,

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/2017 do UBND huyện Mỏ Cày Bắc cấp cho ông Lê Văn H và bà Lê Thị P đối với phần đất thuộc thửa 59 tờ bản đồ số 24, diện tích 106,3m² tại ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03285.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31/10/2018 bà Lê Thị P và ông Lê Văn H kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định 2551 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Mỏ Cày Bắc cấp cho hộ ông H và bà P.

Ngày 02/11/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 431/QĐ-VKS-HC kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện của người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 86/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của UBND huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre và Quyết định số 114/QĐ-UB ngày 21/11/2003 của Chủ tịch UBND huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre. Chỉ yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông H và bà P.

Ông H và bà P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị T về việc hủy Quyết định 2551 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông H và bà P. Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của bà Trần Thị V là mẹ ruột của ông H và bà P. Do đó, UBND huyện Mỏ Cày Bắc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông và bà là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện của người khởi kiện trình bày: Việc UBND huyện cấp quyền sử dụng đất cho ông H và bà P là không đúng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người kháng cáo trong hạn luật định, hợp pháp, đủ điều kiện xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm. Chủ tọa phiên tòa và các thành viên hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật của luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu không rút yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên lại cho rằng tại hồ sơ vụ án, bà T không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất của đương sự. Ngoài ra, tại bản án sơ thẩm không nhận định quyền sử dụng đất hợp pháp sẽ công nhận cho đương sự nào, đồng thời kiến nghị cách xử lý đối với quyết định hành chính đã bị hủy làm căn cứ thi hành án đối với bản án sau này. Vụ án cần bổ sung nhiều chứng cứ không thể khắc phục tại phúc thẩm nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến tranh luận của các bên đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát;

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng Điều 158 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện đối với các Quyết định số 86/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của UBND huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (gọi tắt là Quyết định 86) và Quyết định số 114/QĐ-UB ngày 21/11/2003 của Chủ tịch UBND huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre (gọi tắt là Quyết định 114). Cho nên đối tượng khởi kiện còn lại chỉ là Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre (gọi tắt là quyết định 2551), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03285 ngày 12/12/2017, số phát hành CL222084 và CL 222082 do UBND huyện Mỏ Cày Bắc cấp cho ông H và bà P là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

[1.3] Về thẩm quyền: Theo Điều 30, 32 Luật tố tụng hành chính, người khởi kiện khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[1.4] Về thời hiệu: Ngày 27/6/2017 bà T nhận được Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre. Ngày 06/11/2017 Tòa án nhận được đơn khởi kiện của bà là còn trong thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông H và bà P về việc sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định 2551 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông H và bà P xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất đang tranh chấp có diện tích 104m² có nguồn gốc của Hội đồng Luân. Trước ngày 30/4/1975 Hội đồng Luân lập chợ và cho hộ dân thuê đất cất nhà để buôn bán. Sau ngày 30/4/1975 đất do UBND xã Thạnh Ngải quản lý. Năm 1960 bà Trần Thị V là mẹ ruột của ông P và bà H mua một căn nhà trong dãy phố chợ của Hội đồng Luân, đối với phần đất 104m² bà V thuê và trả tiền thuê đất hàng năm. Quá trình sử dụng căn nhà bà V có cho các hộ dân trông coi và ở nhà, trong đó có bà Tô Thị T được bà V cho ở nhà từ năm 1979. Mặc dù, phần đất của căn nhà có nguồn gốc là đất thuê nhưng sau ngày 30/4/1975 áp dụng chính sách về nhà ở, đất thì hộ dân đã mua nhà trên phần đất trước đây được tiếp tục sử dụng, Nhà nước sẽ xem xét hợp pháp hóa công nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai.

[2.2] Xem xét tính hợp pháp của Quyết định 2551, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Về trình tự ban hành quyết định: Trong vụ án hồ sơ giải quyết khiếu nại bị thất lạc nên chưa cung cấp đầy đủ cho tòa, tuy nhiên tất cả các đương sự trong vụ án này đều thừa nhận và không phản đối những tình tiết về nội dung được nêu trong quyết định bị kiện nên thuộc những tình tiết mà không cần chứng minh trong vụ án. Do đó, không có căn cứ để kết luận quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre là vi phạm trình tự ban hành.

Về thẩm quyền ban hành quyết định: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 136 Luật đất đai năm 2003 thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại trong trường hợp này là Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre, nhưng tại Quyết định ghi do UBND tỉnh ban hành là sai thẩm quyền nhưng xét thấy sai sót này không ảnh hưởng đến bản chất của quyết định nên Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cần rút kinh nghiệm chung.

Về nội dung Quyết định: Xét thấy, tại phần nhận xét, kết luận của Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 có nội dung: Quyết định số 86 giao đất cho UBND xã Thạnh Ngải quản lý là chưa hợp lý, việc bà P, ông H yêu cầu được quyền sử dụng đất diện tích 104m² thổ cư hiện bà T đang quản lý sử dụng là có cơ sở. Cho nên việc bà T yêu cầu hủy Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/2017 do UBND huyện Mỏ Cày Bắc cấp cho ông H và bà P thửa 59 tờ bản đồ số 24:

Về trình tự, thủ tục: Sau khi nhận quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre, bà P và ông H đã lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 104m² thuộc một phần thửa 164 tờ bản đồ số 01 (theo số liệu đo đạc của dự án Vlap: thửa 59 tờ bản đồ số 24

diện tích 106,3m²). Ngày 05/10/2017, bà P và ông H được UBND huyện Mỏ Cày Bắc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0175.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P và ông H thuộc trường hợp nhiều người có chung quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Luật Đất đai 2013 và khoản 3 Điều 5 Thông tư 33/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, khi bà P, ông H lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03175, số phát hành CI 896275 thì bà P, ông H đã thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 98 Luật Đất đai 2013 (trường hợp cấp cho vợ, chồng). Ngày 30/10/2017, ông H, bà P có đơn đề nghị đính chính nội dung sai sót như đã nêu ở trên. Ngày 12/12/2017 bà P, ông H được UBND huyện Mỏ Cày Bắc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 222082 đối với ông H và CL 222084 đối với bà P (cấp đồng sử dụng).

Từ các phân tích trên, xét thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 222082 đối với ông H và CL 222084 đối với bà P được cấp đúng trình tự, thủ tục.

Về thẩm quyền ban hành: Khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013 quy định: “UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân...” Việc bà P, ông H đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 59 tờ bản đồ số 24 là đăng ký lần đầu, nên UBND huyện Mỏ Cày Bắc cấp quyền sử dụng đất cho bà P và ông H là đúng thẩm quyền.

Về nội dung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Như phân tích nêu trên, Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre là có cơ sở chấp nhận, do đó UBND huyện Mỏ Cày Bắc căn cứ vào quyết định này để cấp quyền sử dụng đất cho bà P và ông H là đúng theo quy định pháp luật. Do đó, bà T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P, ông H là không có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, yêu cầu kháng cáo của ông H và bà P, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hành chính sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên ông H và bà P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 2 Điều 241; Điều 56; Điều 234 Luật Tổ tụng hành chính. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với Quyết định số 86/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của UBND huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre và Quyết định số 114/QĐ-UB ngày 21/11/2003 của Chủ tịch UBND huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre.

- Chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H và bà Lê Thị P.

- Sửa bản án sơ thẩm như sau:

Áp dụng: Điều 29; Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 193; Điều 194 Luật tố tụng hành chính.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị T về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/2017 do UBND huyện Mỏ Cày Bắc cấp cho ông Lê Văn H và bà Lê Thị P đối với phần đất thuộc thửa 59 tờ bản đồ số 24, diện tích 106,3m² tại ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03285.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn H và bà Lê Thị P không phải chịu án phí.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: VP (4), HS (2) 18b (MTTT)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Huyền Vân

